TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **123**/2019/HC-PT
Ngày: 14 - 8 - 2019
V/v:"Khiếu kiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Cường**
Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**
Ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Hoàng Hải An -** Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Tấn Ánh** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hành chính thụ lý số: 36/2018/TLPT-HC ngày 18 tháng 12 năm 2018 về việc: *"Yêu cầu hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và hủy Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với ông Võ S cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi có kháng cáo của người khởi kiện - ông Võ Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Võ T, ông Võ B, ông Võ H, bà Võ Thị X (X).

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 904/2019/QĐ-PT ngày 02/8/2019, giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Ông **Võ Đ**, sinh năm 1932; Địa chỉ: xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ Đ: Ông **Lê Bá N**, sinh năm 1968, trú tại: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (Văn bản ủy quyền ngày 25-4-2019); Có mặt.

**** Người bị kiện:*** **Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Ngãi;** Địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện B: Ông **Lý T** - Phó Chủ tịch UBND huyện B (Văn bản ủy quyền ngày 03-11-2017); Có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

- Ủy ban nhân dân xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn H** - Chủ tịch UBND xã C.

Địa chỉ: Xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông **Võ T**, sinh năm 1932. Vắng mặt.

- Ông **Võ B**, sinh năm 1931. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Võ B, Võ T: Ông **Lê Bá N**, sinh năm 1968 (Văn bản ủy quyền ngày 24-5-2019). Có mặt.

- Ông **Võ H**, sinh năm 1938. Có mặt.

- Bà **Võ Thị X (X),** sinh năm 1932. Vắng mặt nhưng uỷ quyền cho ông Võ H.

- Bà **Võ Thị H**, sinh năm 1952. Vắng mặt.

- Bà **Võ Thị T**, sinh năm 1966. Vắng mặt.

- Ông **Võ Văn S1**, sinh năm 1971. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Võ Thị H, Võ Thị T và ông Võ Văn S1: Ông **Lê Hồng H1**, sinh năm 1965 (Văn bản ủy quyền ngày 29-11-2017). Địa chỉ: thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

- Bà **Võ Thị R** (tên gọi khác Võ Thị Minh T1), sinh năm 1956. Vắng mặt.

- Ông **Võ Duy L**, sinh năm 1945. Có mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Đất đám Lai có diện tích đo đạc thực tế 1.688,6m^2, loại đất "ĐM", thuộc thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12 (Bản đồ đo vẽ năm 2003) ở thôn C, xã C, huyện B có nguồn gốc của vợ chồng ông Võ T1 (chết năm 1962), bà Nguyễn Thị H2 (chết năm 1964) là cha mẹ của các ông, bà: Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ và Võ Thị X (X) lưu hạ lại cho ông Võ T quản lý, sử dụng trước năm 1979.

Năm 1979-1982, xã C thực hiện quy vùng đổi chủ giữa nông nghiệp và tổ chức công đoàn ngư nghiệp. Ông Võ T đã giao diện tích đất đám Lai cho Ban chia cấp đất của xã C để thực hiện việc chuyển đổi. Ban chia đất đã giao cho ông Võ S 500m^2 và bà Đỗ Thị P 480m^2 của thửa đất trên để quản lý, sử dụng; phần diện tích đất còn lại giao cho Ban thôn quản lý, sử dụng. Đến năm 1989 gia đình ông Võ Đ sử dụng mãi đến năm 2002, do phát sinh tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất nên UBND xã C lập biên bản đình chỉ sử dụng đất mãi đến nay.

Ngày 15-01-1997, các ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ làm đơn yêu cầu UBND xã C trả lại toàn bộ diện tích đất đám Lai trên cho các ông; Ngày 20-5-1998 ông Võ S và ông Võ Duy L (con bà Đỗ Thị P) có đơn khiếu nại tranh chấp diện tích được giao tại đất đám Lai với các ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ. Ngày 06-7-1998, UBND xã C tổ chức hòa giải theo đơn yêu cầu của các ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ và đơn khiếu nại của ông Võ S, Võ Duy L. Sau khi hòa giải, ông Võ S và ông Võ Duy L tiếp tục quản lý, sử dụng phần diện tích đất được chuyển đổi; phần diện tích giao cho Ban thôn thì gia đình ông Võ Đ sử dụng. Năm 2001 các ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ có hành vi phá hoại hoa màu của ông S, bà P và tranh chấp không cho ông S, bà P canh tác trên diện tích đất này. Ngày 08-02-2001 ông Võ S và ông Võ Duy L tiếp tục có đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai theo nội dung trên; các ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ cũng gửi đơn đòi lại diện tích đất đám Lai. Ngày 12-7-2003 và ngày 30- 10-2003 UBND xã C tổ chức hòa giải nhưng không thành; Ngày 24-11- 2003 UBND xã C có Báo cáo số 638/BC-UB chuyển toàn bộ hồ sơ đến Phòng Địa chính Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B) để xem xét và tham mưu cho UBND huyện B giải quyết vụ việc. Sau đó ông Võ Đ cùng các ông Võ T, Võ B, Võ H tiếp tục có nhiều đơn khiếu nại gửi đến các cơ quan ở Trung ương và địa phương yêu cầu trả lại thửa đất trên.

Ngày 31-7-2017 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ T, Võ B,

Võ H, Võ Đ với bà Đỗ Thị P: *"Không công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích 480m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C; Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị P đối với diện tích 480m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C. Tuy nhiên, hiện nay bà Đỗ Thị P đã chết, do đó công nhận quyền sử dụng đất cho những người thừa kế hợp pháp của bà Đỗ Thị P".*

Cùng ngày 31-7-2017 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1675/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ với ông Võ S: "*Không công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích 500m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ S đối với diện tích 500m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C. Tuy nhiên, hiện nay vợ chồng ông Võ S đã chết, do đó công nhận quyền sử dụng đất cho những người thừa kế hợp pháp của ông Võ S".*

Không đồng ý với Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch UBND huyện B, ngày 28-8-2017 ông Võ Đ có đơn khởi kiện vụ án hành chính đến Tòa án yêu cầu hủy các quyết định trên vì đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của các anh, em ông.

Ông Võ H là người đại diện theo ủy quyền của các ông Võ Đ, Võ B, Võ T, bà Võ Thị X và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Võ Đ, Võ B, Võ T, Võ H đưa ra các căn cứ để yêu cầu hủy các quyết định như sau:

Nguồn gốc thửa đất trên là của ông Võ T1 và bà Nguyễn Thị H2 cùng tạo lập. Ông T1, bà H2 sinh được 05 người con gồm: Võ T, Võ Đ, Võ Võ B và Võ Thị X (X). Ông T1, bà H2 quản lý, sử dụng thửa đất này đến khi chết thì giao lại cho ông Võ T canh tác. Năm 1967, ông Võ T giao lại cho ông Võ Đ trực tiếp quản lý, sử dụng.

Khoảng thời gian 1979-1982 tại xã C thực hiện chính sách quy vùng đổi chủ đất nông nghiệp. Đối với đất nông nghiệp của ngư dân thì không thực hiện chính sách này, ngư dân tiếp tục quản lý, sử dụng. Các anh em ông Đ không đưa thửa đất này vào thực hiện việc quy vùng đổi chủ vì anh em ông đều làm nghề ngư nghiệp. Lợi dụng chủ trương này, ông Nguyễn Cao T1 (đã chết) lúc đó là

Trưởng thôn C và là thành viên của Ban thực hiện chính sách quy vùng đổi chủ đã tự ý cắt thửa đất trên của anh em ông chia cho người em vợ là ông Võ S 500m^2; chia cho bà Đỗ Thị P là mẹ kế mẫu của ông T1 diện tích 480m^2. Tháng 3/1982 ông Võ S ngang nhiên mang vật liệu tiến hành xây dựng nhà trên diện tích đất trên thì anh em ông ngăn cản, không cho xây dựng.

Từ đó anh em ông đã gửi đơn khiếu nại đến các cấp chính quyền. Trong thời gian chờ đợi giải quyết, anh em ông đã quản lý, sử dụng toàn bộ thửa đất này và đóng thuế đầy đủ cho Nhà nước từ năm 1975 đến năm 2005. Năm 2005, ông Võ S gửi đơn khiếu nại tranh chấp phần diện tích 500 m^2 tại thửa đất trên với các anh em ông.

Nội dung khiếu nại của ông Võ S đã được Phòng Địa chính Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B (nay là Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B) có văn bản giải quyết số 182/CV-ĐCNN ngày 27-7-2005 gửi Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Quảng Ngãi để trả lời cho bạn nghe đài và xem truyền hình. Tại buổi làm việc ngày 10-11-2005, UBND xã C đã thống nhất giao lại thửa đất trên cho ông Đ, đồng thời UBND xã C đã lập Báo cáo số 01/BC-UBND ngày 13-01-2006 để báo cáo sự việc đến UBND huyện B và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B. Tuy nhiên UBND xã C và UBND huyện B không tiến hành giao đất thực địa để cấp sổ đỏ cho ông. Vì vậy, gia đình ông S, bà P lại tiếp tục ngăn cản quyền sử dụng đất của ông tại thửa đất này. Từ đó anh em của ông lại tiếp tục làm đơn khiếu nại đòi lại thửa đất trên.

Quyết định 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31-7-2017 của Chủ tịch UBND huyện B ban hành là không đúng pháp luật. Bởi lẽ toàn bộ quá trình thẩm tra, xác minh giải quyết của UBND xã C, cũng như các cơ quan chuyên môn của UBND huyện B từ năm 1982 đến năm 2005 không xem xét đến nguồn gốc đất của cha mẹ ông Đ.

Về trình tự thủ tục thụ lý, giải quyết tranh chấp của Chủ tịch UBND huyện B không đúng với Quyết định số 0l/2016/QĐ-UBND ngày 13-01-2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi vì vụ việc giải quyết tranh chấp đất Đám Lai đã được UBND xã C và Phòng Địa chính Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện B giải quyết từ năm 2003 đến năm 2005. Ông Võ S và bà Đỗ Thị P cũng không khiếu nại các văn bản này. Ngày 22-12-2002 ông Võ Duy L đã có đơn yêu cầu rút lại đơn tranh chấp, nhưng Quyết định 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 vẫn giải quyết phần đất 480m^2 giao cho bà Đỗ Thị P là không đúng.

Quá trình tiến hành hòa giải cũng không thực hiện đúng Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13-01-2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi như thành lập tổ xác minh, thời gian kiểm tra, báo cáo.

Ban chia đất của xã không hề lấy đất của anh em ông Đ, mà chỉ có ông Nguyễn Cao T1 lợi dụng chức quyền là Trưởng thôn C tự ý lấy đất của anh em ông để giao cho ông Võ S và bà Đỗ Thị P. Việc đổi đất tại vị trí khác cho các anh em ông Đ là không có. Hiện nay các anh em ông Đ cũng chưa nhận được bất kỳ loại đất nào cả.

Tại phần 5 của 02 Quyết định trên ghi: *"...Diện tích đất của hộ ông Võ S, bà Đỗ Thị P được chuyển đổi giai đoạn 1979-1982, ông S, bà P đã quản lý, sử dụng ổn định từ đó đến năm 2002 do có phát sinh tranh chấp nên UBND xã C tạm đình chỉ sử dụng đất..."*. Nhận định này là không đúng với thực tế. Bởi vì ông Võ T và ông Võ Đ mới là người quản lý, sử dụng thửa đất trên và nộp thuế cho Nhà nước và được Nhà nước quy chủ cho ông Võ Đ vào năm 1990. Tháng 3/1982 ông Võ S lên đám đất Lai làm nhà thì các ông đã ngăn cản. Từ đó ông S, bà P hoàn toàn không được sử dụng phần đất này.

Người bị kiện không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện và giữ nguyên Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với ông Võ S cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (gọi tắt là Quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND) bởi các căn cứ sau đây:

Đất đám Lai có diện tích đo đạc thực tế 1.688,6 m^2, loại đất "ĐM", thuộc thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12 (Bản đồ đo vẽ năm 2003) ở thôn C, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi có nguồn gốc của vợ chồng ông Võ T1 (chết năm 1962), bà Nguyễn Thị H2 (chết năm 1964) là cha mẹ của các ông, bà: Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ và Võ Thị X (X) lưu hạ lại cho ông Võ T quản lý, sử dụng trước năm 1979.

Năm 1979-1982, xã C thực hiện quy vùng đổi chủ giữa nông nghiệp và tổ chức công đoàn ngư nghiệp. Ông Võ T và Võ Đ đã giao diện tích đất đám Lai cho Ban chia cấp đất của xã C để thực hiện việc chuyển đổi. Ban chia đất đã

giao cho ông Võ S 500m^2 và bà Đỗ Thị P 480m^2 của thửa đất trên để quản lý, sử dụng; phần diện tích đất còn lại giao cho Ban thôn lý, sử dụng. Đến năm 1989 gia đình ông Võ Đ sử dụng mãi đến năm 2002 do phát sinh tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất nên UBND xã C lập biên bản đình chỉ sử dụng đất mãi đến nay.

Các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ không phải là người trực tiếp và đang sử dụng phần đất tranh chấp kể từ năm 1979 đến thời điểm các anh em ông phát sinh tranh chấp (ngày 15-01-1997).

Trong quá hình thẩm tra xác minh, các anh em ông Võ Đ không cung cấp chứng cứ nào có giá trị pháp lý thể hiện việc sử dụng đất hợp pháp; về chứng cứ các ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ cung cấp gồm: Sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp ghi ngày 10-10-1990 kèm theo 06 biên lai nộp thuế nông nghiệp của ông Võ Đ làm cơ sở để đòi lại đất là không đủ căn cứ pháp lý và thực tiễn để Nhà nước xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5- 2014 của Chính phủ.

Hộ gia đình bà Đỗ Thị P và hộ gia đình ông Võ S là những người trực tiếp và đang sử dụng đất ổn định, liên tục tại phần diện tích đất đang tranh chấp kể từ năm 1979 đến thời điểm các anh em ông Võ Đ phát sinh tranh chấp (ngày 15-01-1997). Sau nhiều lần UBND xã C hòa giải không thành, ông Võ S và bà Đỗ Thị P tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất hiện nay đang tranh chấp. Mãi đến năm 2001, các anh em ông Võ Đ có hành vi phá hoại hoa màu của ông S và bà P đang sản xuất để lấy lại phần diện tích đất này. Ngày 08-2-2001 ông Võ S và ông Võ Duy L (là con bà P) gửi đơn yêu cầu giải quyết tranh chấp với anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ nên vụ việc kéo dài từ năm 1997 đến nay.

Từ những căn cứ trên cho thấy hộ gia đình bà Đỗ Thị P và hộ gia đình ông Võ S là người đang sử dụng đất ổn định, liên tục tại phần đất đang tranh chấp kể từ thời điểm trước ngày 15-10-1993 mãi đến trước thời điểm anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ tranh chấp (ngày 15-01-1997), nên đủ điều kiện để được Nhà nước xem xét công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật đất đai năm 2003; khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31-7-2017 là đúng pháp luật.

Người đại diện theo pháp luật của UBND xã C thống nhất kết quả giải quyết của Chủ tịch UBND huyện B lại Quyết định số 166S/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31-7-2017.

Ông Lê Hồng H1 trình bày:

Nguyên thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12 (bản đồ năm 2003) xã C giai đoạn trước năm 1979 gọi là đất đám Lai có diện tích khoảng 1600m^2, loại đất ĐM. Giai đoạn năm 1979-1982 xã C thực hiện chính sách quy vùng đổi chủ giữa nông nghiệp và tổ chức công đoàn ngư nghiệp. Ông Võ T thực tế đã giao diện tích đất đám Lai cho Ban chia cấp đất của xã để thực hiện việc chuyển đổi cho ông Võ S diện tích 500m^2 canh tác, sản xuất từ năm 1979 đến năm 1997 thì xảy ra tranh chấp. Trong quá trình canh tác, sản xuất (trồng mì, bắp, đậu) từ năm 1979-1998 hộ ông Võ S thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ cho Nhà nước. Năm 2002 ông Võ Đ ngang nhiên đến phá hoại hoa màu của hộ ông Võ S tại thửa đất trên, nên ông Võ S đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện B. Ngày 04-11-2002 Tòa án nhân dân huyện B giải quyết buộc ông Võ Đ phải bồi thường thiệt hại cho ông Võ S số tiền 600.000. Từ đó anh em ông Võ Đ cản trở không cho hộ ông Võ S canh tác trên phần diện tích đất này. UBND xã C đã nhiều lần hòa giải nhưng không thành. Hộ ông Võ S chấp hành ý kiến của UBND xã C tạm thời chưa canh tác, sản xuất trên mảnh đất này khi vụ việc chưa giải quyết xong.

Ngày 10-8-2017, gia đình ông Võ S nhận được Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch UBND huyện B giải quyết tranh chấp là hoàn toàn đúng pháp luật và đúng thực tế sử dụng đất.

Ông Võ Duy L và bà Võ Thị R (Võ Thị Minh T1) thống nhất toàn bộ nội dung giải quyết tranh chấp đất đai theo Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch UBND huyện B.

Tại Bản án Hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 11 khoản 1 Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; Chương 2 Thông tư 1990/2001/TT-TCĐC ngày 30-11-2001 của Tổng cục địa chính hướng dẫn đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Điều 20 Hiến pháp năm 1980; Điều 1 Luật đất đai năm 1987; Điều 2 Luật đất đai năm 1993; Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 4, khoản 5 Điều 26, Điều 100, khoản 2 Điều 101

và khoản 2, khoản 3 Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 18 và khoản 5 Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5- 2014 của Chính phủ; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND ngày 13-01-2016 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quy định về trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Đ về yêu cầu hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và hủy Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với ông Võ S cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27/9/2018, ông Võ Đ, Võ B, Võ H, Võ T và bà Võ Thị X (X) có đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2018/HC-ST ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, theo hướng: Hủy Quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và hủy Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31-7-2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với ông Võ S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà nẵng cho rằng: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán chủ toạ phiên toà và Hội đồng xét xử chấp hành đúng pháp luật tố tụng hành chính trong giai đoạn xét xử phúc thẩm. Về nội dung, Quyết định giải quyết khiếu nại về đất đai số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi không công nhận quyền sử dụng đất cho các ông bà Võ Đ, Võ B, Võ T, Võ H, Võ Thị X mà công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ S , bà Đỗ Thị P là chưa có đầy đủ cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của các ông bà Võ Đ, Võ B, Võ H, Võ T, Võ Thị X, sửa bản án

sơ thẩm theo hướng hủy các quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả trang tụng, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1]. Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, người bị kiện Chủ tịch UBND huyện B vắng nhưng đã có mặt người đại diện theo uỷ quyền; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã C, huyện B vắng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bà Võ Thị R vắng nhưng đã được Toà án tống đạt hợp lệ lần ba nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính, như đề nghị của các đương sự và Viện kiểm sát tại phiên toà.

[2] Tại phiên toà phúc thẩm, người khởi kiện giữ nguyên đơn khởi kiện và những người kháng cáo giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Xét nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo về việc yêu cầu Toà án huỷ Quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, thấy rằng:

[3] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền, thời hạn, thời hiệu ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chủ tịch UBND huyện B, thấy: Các ông Võ Đ, Võ T, Võ B và Võ H có nhiều đơn khiếu nại giải quyết tranh chấp đất đai với ông Võ S và bà Đỗ Thị P, tại thửa đất có tên gọi là đất Đám Lai, có diện tích đo đac thực tế là 1.688,6m^2, loại đất "ĐM", thuộc thử đất số 419, tờ bản đồ số 12 (bản đồ đo vẽ năm 2003) ở thân C, xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi từ năm 1997, UBND xã C đã nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Ngày 22/6/2017, ông Võ H, đại diện cho ông Võ Đ, Võ T, Võ B tiếp tục có đơn khiếu nại tranh chấp đất đai với ông Võ S diện tích 500m^2, tranh chấp với bà Đỗ Thị P 480m^2. Sau khi nhận đơn, Chủ tịch UBND huyện B đã ban hành Quyết định số 1397/QĐ-UBND ngày 22/6/2017 thụ lý đơn và giao nhiệm vụ cho Tổ công tác liên ngành thẩm tra, xác minh. Sau khi thu thập tài liệu liên quan, ngày 6/7/2017 Tổ liên ngành đã lập biên bản hoà giải. Ngày 11/7/2017, Tổ công tác liên ngành lập báo cáo số 372/BC-TCTLN báo cáo kết quả thẩm tra, xác minh và đề xuất giải quyết đơn

tranh chấp đất đai của ông Võ H. Ngày 31/7/2017 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định số 1668/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và Quyết định số 1675/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với ông Võ S là đúng quy định theo quy định tại khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013.

[4] Về nội dung các quyết định 1668/QĐ-UBND và Quyết định 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Tại các quyết định này đều không công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích 480m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C; Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị P. Không công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích 500m^2, loại đất: ĐM, công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ S đối với diện tích 500m^2. Vì cho rằng ông Võ S, bà Đỗ Thị P sử dụng đất này ổn định, liên tục, lâu dài cho đến khi tranh chấp năm 1997. Còn anh em ông Võ Đ tuy đất cha mẹ để lại nhưng thời gian 1979-1982 đã giao đất này theo diện quy vùng đổi chủ đất nông nghiệp tại xã C.

Không đồng ý với các quyết định này, ông Võ Đ khởi kiện yêu cầu Toà án huỷ các quyết định số 1668/QĐ-UBND và 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Thấy rằng trong quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự thừa nhận thửa đất có tên gọi là đất Đám Lai có diện tích đo đạc thực tế 1.688,6m^2, loại đất "ĐM", thuộc thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12 ở thôn C, xã C có nguồn gốc của vợ chồng ông Võ T1 (chết năm 1962) bà Nguyễn Thị H2 (chết năm 1964) là cha mẹ của các ông bà: Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ và Võ Thị X (X) lưu hạ lại cho ông Võ T quản lý sử dụng trước năm 1979. Như vậy, nguồn gốc của diện tích đang tranh chấp này là của ông Võ T1 và bà Nguyễn Thị H2, sau khi qua đời thì để lại cho các người con.

Quá trình sử dụng diện tích đất này, ông Võ Đ có "Sổ kê khai diện tích và nộp thuế nông nghiệp, số 26/TC/TNN; Họ và tên chủ hộ: Võ Đ, do Chủ tịch UBND xã C ông Phạm Tấn T ký và đóng dấu ngày 10/10/1990 (BL 491) và 6 (sáu) phiếu thu thuế nông nghiệp các năm 1989, 83, 1978, 1988, 1990, 1986 (BL 492, 493, 494, 495, 496, 497). Tuy các phiếu thu này không ghi rõ thu thuế diện

tích thửa đất nào nhưng lời khai của người khởi kiện phù hợp với lời khai của cán bộ thu thuế lúc đó là ông Nguyễn Hữu P (BL 280-281, biên bản làm việc v/v xác minh nguồn gốc sử dụng "đám lai" ở thôn C, xã C). Ý kiến trình bày của ông Nguyễn Hữu P: Từ năm 1975 đến 1978, tôi làm cán bộ thu mua sản lượng cho xã, năm 1979 làm Ban thuế xã cho đến năm 1993 nghỉ việc; khi lập bộ thuế nông nghiệp của xã tôi ghi trong bộ thuế Đám lai tên ông Võ Đ diện tích 1.600m^2, tôi là người trực tiếp thu thuế nông nghiệp của ông Võ Đ ở Đám lai hàng năm. Sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp của ông Võ Đ ngày 10/10/1990 là do tôi viết và trình Chủ tịch UBND xã ký là đúng. Tôi xác định trong sổ kê khai thu nộp thuế nông nghiệp của ông Võ S do tôi lập ruộng cạn 350m^2 và đất trồng cây hàng năm 1.281m^2 là đất hiện nay ông S trồng dương liễu, trong đó không có diện tích 500m^2 ở Đám lai và 480m^2 của ông Võ Duy L. Như vậy, các chứng cứ này cho thấy ông Võ Đ là người sử dụng đất có kê khai và nộp thuế trong thời gian dài với diện tích 1.600m^2, tại thửa đất có tên gọi đất Đám lai. Điều này phù hợp với quy định tại Điều 4 Luật Đất đai năm 1987 và quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Nghị định 43/2019/NĐ-CP ngày 15/5/2014.

[5] Tại biên bản làm việc ngày 25/8/2004, giữa Phòng địa chính – NN & PTNT huyện C với Đảng uỷ và UBND xã C (BL 06,07 trong hồ sơ là bản phô tô, trong giai đoạn phúc thẩm Phòng Tài nguyên và Môi Trường huyện C cung cấp bản phô tô có đóng dấu treo của phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện C). Ý kiến của ông Trần Văn Y - cán bộ địa chính xã: Quá trình xác minh tôi được biết nguyên thửa đất này là của cha ông Võ Đ chết giao lại cho ông Võ Đ sản suất nông nghiệp từ 1975 đến 1990 hàng năm có nộp thuế diện tích 1.600 m^2 (có các biên lai nộp thuế thể hiện trong hồ sơ). Vào năm 1990, UBND xã cho chủ trương cấp sổ quy chủ ruộng đất cho nhân dân thì hộ ông Đ được cấp sổ và ghi diện tích là 1.600 m^2 tục hô Đám lai. Về cơ sở pháp lý thì ông Võ Đ là người thừa kế đất của cha mẹ để lại và mang tính sử dụng đất liên tục nên công nhận quyền sử dụng thửa đất Đám lai cho ông Võ Đ là phù hợp với pháp luật. Ý kiến ông Võ Văn Hoa - Bí thư Đảng ủy xã: Quan điểm của Đảng uỷ xã là giao quyền sử dụng đất đám lai cho ông Võ Đ, bởi vì ông Đ là người trực tiếp sử dụng đám đất này liên tục từ năm 1975 đến ngày xảy ra tranh chấp hơn nữa ông Võ Đ đã được UBND C cấp sổ kê khai diện tích và thu nộp thuế nông nghiệp. Đảng uỷ, UBND xã C có chung quan điểm thống nhất như sau: Đồng ý giao thửa đất Đám

lai có diện tích 1600m^2 cho ông Võ Đ sản suất nông nghiệp trên quan điểm nhà nước giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình cá nhân sản suất theo NĐ64/CP, không mang tính trả lại đất cũ. Và tại công văn số 182/CV-ĐCNN ngày 27/7/2005 của Phòng Địa chính nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B (BL 01, 02 trong hồ sơ là bản phô tô, trong giai đoạn phúc thẩm phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện B cung cấp có đóng dấu treo của phòng Tài Nguyên và Môi Trường huyện B) cũng nêu: thực tế ông Võ Đ được UBND xã C cấp sổ kê khai diện tích và nộp thuế nông nghiệp vào ngày 10/10/1990 ghi rất cụ thể: Đất trồng cây hàng năm, đám lai, diện tích 1600m^2 ông Võ Đ đã nộp thuế cho nhà nước (có 6 biên lai thu thuế). Như vậy, cơ quan quản lý đất đai cấp huyện và chính quyền xã C đã xác định và khẳng định ông Võ Đ sử dụng thửa đất Đám Lai (thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C) ổn định và có nộp thuế cho nhà nước.

Từ những phân tích các chứng cứ nêu trên, thấy rằng Quyết định số 1668/QĐ-UBND và Quyết định số 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi không công nhận quyền sử dụng đất cho các anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích đất 480m^2, loại đất: ĐM, thuộc một phần thửa đất số 419, tờ bản đồ số 12, bản đồ năm 2003 xã C; Công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị P. Không công nhận quyền sử dụng đất cho anh em ông Võ T, Võ B, Võ H, Võ Đ đối với diện tích 500m^2 ; Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ S đối với diện tích 500m^2 là chưa khách quan, toàn diện. Việc Chủ tịch UBND huyện B công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thị P và ông Võ S trong khi các đương sự này chưa có đầy đủ chứng cứ vật chất vững chắc về quá trình sử dụng đất ổn định liên tục, lâu dài. Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện cho Chủ tịch UBND huyện B cũng thừa nhận việc công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ S và bà Đỗ Thị P chỉ dựa vào các báo cáo của chính quyền địa phương và cơ quan chuyên môn chứ không có tài liệu chứng cứ cụ thể gì. Quá trình giải quyết bà P, ông S cũng không đưa ra được chứng cứ pháp lý nào chứng minh cho quá trình sử dụng đất của mình. Trong khi phía ông Võ Đ có được các chứng cứ vật chất về quá trình kê khai, sử dụng đất và nộp thuế như đã phân tích trên thì không được UBND xem xét là chưa khách quan và toàn diện khi giải quyết tranh chấp đất đai. Toà án cấp sơ thẩm khi giải quyết cũng chưa đánh giá hết các tình tiết của vụ án, chưa toàn diện trong đánh giá chứng cứ dẫn đến việc xử bác yêu cầu khởi kiện của người

khởi kiện là chưa phù hợp.

Từ những vấn đề phân tích, lập luận trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên toà phúc thẩm hôm nay là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Nội dung kháng cáo của người khởi kiện và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ được chấp nhận, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận đơn khởi kiện của người khởi kiện, hủy các Quyết định 1668/QĐ-UBND và Quyết định 1675/QĐ-UBND cùng ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B, tỉnh Quảng Ngãi để xem xét giải quyết lại theo đúng quy định của pháp luật.

Kháng cáo được chấp nhận, mặt khác người kháng cáo là người cao tuổi nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm hành chính theo quy định tại Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính: Chấp nhận kháng cáo của ông Võ Đ, Võ T, Võ B , Võ H và bà Võ Thị X (X), sửa toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348, Điều 349 Luật tố tụng hành chính; Điều 4 Luật Đất đai năm 1987, Điều 26, Điều 100, Điều 101, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai; Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 31/12/2016 của UBTVQH về án phí lệ phí Toà án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của ông Võ Đ: Huỷ quyết định số 1668/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Đ với bà Đỗ Thị P và huỷ Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện B về việc giải quyết khiếu nại tranh chấp đất đai giữa các anh em ông Võ H, Võ T, Võ B, Võ Thị X (X), Võ Đ với ông Võ S cùng trú tại xã C, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Võ Đ, Võ H, Võ T, Võ B và bà Võ Thị X (X) không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Cường